

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

NHỮNG CHẶNG ĐƯỜNG LỊCH SỬ

PGS, TS VŨ NHƯ KHÔI

TS NGUYỄN VĂN TRƯỜNG

Học viện Chính trị - Bộ Quốc phòng

Tóm tắt: Từ khi ra đời đến nay, trải qua 90 năm xây dựng và trưởng thành, với vai trò, sứ mệnh là tổ chức chính trị duy nhất lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Đảng Cộng sản Việt Nam không ngừng xây dựng, bổ sung, hoàn thiện đường lối lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Trên mỗi chặng đường lịch sử, ở vào những thời điểm quyết định của vận mệnh dân tộc, Đảng luôn có những chủ trương, quyết định chiến lược đúng đắn, đưa cách mạng Việt Nam tiến lên, giành thắng lợi vĩ đại, tạo ra cơ đồ và vị thế chưa từng có trong lịch sử dân tộc như hôm nay.

Từ khóa: Đảng Cộng sản Việt Nam, Hồ Chí Minh, Cách mạng Tháng Tám, kháng chiến kiến quốc, đổi mới

1. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời-bước ngoặt vĩ đại của cách mạng Việt Nam

Đến đầu thế kỷ XX, sau khi phong trào Cần Vương chống thực dân Pháp xâm lược bị đàn áp, phong trào yêu nước theo tư tưởng dân chủ tư sản cũng thất bại, cách mạng Việt Nam lâm vào cuộc khủng hoảng trầm trọng về đường lối và lực lượng lãnh đạo sự nghiệp cứu nước. Yêu cầu cấp bách của lịch sử dân tộc là phải có một lãnh tụ đủ tài, đức; một tổ chức tập hợp đoàn kết toàn dân trong cuộc cách mạng giải phóng dân tộc.

Giữa lúc đất nước như “đêm tối không có đường ra”, thì Nguyễn Ái Quốc-Hồ Chí Minh xuất hiện. Người hội tụ những yêu cầu của lịch sử và nhanh chóng trở thành lãnh tụ tuyệt đối của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và dân tộc Việt Nam.

Ngày 6-5-1911, Nguyễn Tất Thành ra đi tìm đường cứu nước. Trải qua gần mười năm nung nấu

chỉ hướng cứu nước, cứu dân, bôn ba bốn biển năm châu, vừa lao động cùng những người lao động nghèo khổ để sinh sống, vừa học hỏi lý luận và hoạt động cách mạng, năm 1920, Nguyễn Ái Quốc tiếp thụ chủ nghĩa Mác-Lênin. Từ chân lý của thời đại đó, Người xác định được *con đường cứu nước đúng đắn là đi theo con đường cách mạng vô sản*.

Nguyễn Ái Quốc tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp, trở thành người cộng sản Việt Nam đầu tiên hoạt động trong phong trào cộng sản quốc tế. Người hướng hoạt động của mình vào việc truyền bá lý luận cách mạng về nước để từng bước chuẩn bị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

Được tiếp thụ lý luận cách mạng, được động viên, tổ chức đấu tranh, phong trào công nhân và phong trào yêu nước ở Việt Nam những năm 20 (thế kỷ XX) phát triển nhanh chóng, đòi hỏi phải có một chính đảng vô sản vững mạnh lãnh đạo phong trào. Năm 1925, Hội Việt Nam cách

mạng thanh niên ra đời và phát triển tổ chức. Từ giữa năm 1929 đến đầu năm 1930 đã lần lượt xuất hiện ba tổ chức cộng sản: Đông Dương Cộng sản Đảng, An Nam Cộng sản Đảng và Đông Dương Cộng sản Liên đoàn.

Trong một nước mà lại có ba tổ chức cộng sản sẽ khó tránh khỏi sự phân tán về tư tưởng, sự chia rẽ trong hành động, làm hạn chế sự phát triển của phong trào cách mạng. Việc thống nhất các tổ chức cộng sản trở thành nhu cầu bức thiết của sự nghiệp cách mạng Việt Nam.

Nguyễn Ái Quốc-Hồ Chí Minh là người sáng lập Đảng Cộng sản Việt Nam. Người chuẩn bị lý luận, chính trị và tổ chức cho việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam. Người đã có quyết định nhanh chóng, kịp thời, bằng uy tín của mình, triệu tập, chuẩn bị nội dung và chủ trì Hội nghị thành lập Đảng.

Ngày 6-1-1930, Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản do lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc triệu tập và chủ trì, họp tại Cửu Long, Hương Cảng. Ngày 8-2-1930, các đại biểu dự Hội nghị thành lập Đảng trở về Việt Nam.

Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản thành một đảng duy nhất, lấy tên là *Đảng Cộng sản Việt Nam*. Hội nghị thông qua *Chánh cương vắn tắt của Đảng*, *Sách lược vắn tắt của Đảng*, *Điều lệ vắn tắt của Đảng*, do Nguyễn Ái Quốc dự thảo. Hội nghị quyết định thành lập các tổ chức quần chúng do Đảng lãnh đạo.

Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là bước ngoặt vĩ đại trong lịch sử Việt Nam, kể từ khi thực dân Pháp xâm lược, chấm dứt thời kỳ khủng hoảng, bế tắc về đường lối cách mạng và tổ chức lãnh đạo cách mạng. Từ đây, nhân dân Việt Nam có đội tiên phong duy nhất với đường lối cách mạng đúng đắn, tư tưởng tiên tiến và tổ chức vững chắc lãnh đạo. Đây là sự kiện lịch sử mở đầu, mang ý nghĩa quyết định đối với toàn bộ quá trình phát

triển của cách mạng Việt Nam do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo. Đánh giá sự kiện lịch sử này, Chủ tịch Hồ Chí Minh viết: “Việc thành lập Đảng là một bước ngoặt vô cùng quan trọng trong lịch sử cách mạng Việt Nam ta. Nó chứng tỏ rằng giai cấp vô sản ta đã trưởng thành và đủ sức lãnh đạo cách mạng”!

2. Lãnh đạo Cách mạng Tháng Tám thành công, giành độc lập dân tộc, khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa

Ngày 1-9-1939, Chiến tranh thế giới II bùng nổ. Tình hình thế giới biến chuyển mau chóng. Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng đầu tháng 11-1939 đã xác định mục tiêu chiến lược của cách mạng Việt Nam là tập hợp lực lượng toàn dân tộc đánh đổ đế quốc, tay sai, làm cho Đông Dương hoàn toàn độc lập. Hội nghị này đánh dấu bước chuyển hướng chiến lược cách mạng giải phóng dân tộc ở nước ta. Chủ trương của Hội nghị đã thúc đẩy phong trào cách mạng của nhân dân ta phát triển mạnh mẽ, trở thành cao trào đấu tranh giải phóng dân tộc trong khắp cả nước.

Tháng 9-1940, phát xít Nhật tiến vào Đông Dương. Nhân dân Việt Nam lâm vào tình cảnh “một cổ hai tròng”. Hội nghị Trung ương tháng 11-1940 tiếp tục khẳng định sự đúng đắn của chủ trương chuyển hướng chiến lược của Hội nghị Trung ương tháng 11-1939. Hội nghị quyết định hai vấn đề cấp bách là: Duy trì lực lượng vũ trang và cơ sở cách mạng, tiến tới lập căn cứ địa du kích ở vùng rừng núi Bắc Kỳ và hoãn cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ, vì lúc này thời cơ khởi nghĩa chưa đến?

Ngày 28-1-1941, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc về nước. Người chủ trì Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng (5-1941), tại Pác Bó (Hà Quảng, Cao Bằng). Hội nghị xác định: Giải phóng dân tộc là nhiệm vụ bức thiết nhất của

cách mạng Đông Dương. Nhiệm vụ trước hết của cách mạng Việt Nam lúc này là phải giành cho được độc lập dân tộc và tự do, hạnh phúc cho đồng bào. Hội nghị khẳng định chuẩn bị khởi nghĩa là nhiệm vụ trung tâm của toàn Đảng, toàn dân và xác định hình thái khởi nghĩa ở nước ta là từ khởi nghĩa từng phần tiến lên tổng khởi nghĩa. Hội nghị quyết định thành lập *Mặt trận Việt Nam độc lập Đông minh* (gọi tắt là Việt Minh) thay cho Mặt trận thống nhất dân tộc phản đế Đông Dương. Ngày 6-6-1941, Nguyễn Ái Quốc viết thư “Kính cáo đồng bào”, kêu gọi toàn dân: “Trong lúc này *quyền lợi dân tộc giải phóng cao hơn hết thảy*. Chúng ta phải đoàn kết lại đánh đổ bọn đế quốc và bọn Việt gian đang cứu giống nòi ra khỏi nước sôi lửa nóng”³.

Chiến tranh thế giới diễn biến nhanh chóng, ngày 8-5-1945, phát xít Đức đầu hàng Đồng minh. Tình hình Đông Dương cũng có biến động. Ngày 9-3-1945, Nhật đảo chính Pháp. Tôi cùng ngày diễn ra Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương mở rộng. Ngày 12-3-1945, Ban Thường vụ Trung ương Đảng ban hành Chỉ thị “*Nhật-Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta*”. Đảng chủ trương phát động cao trào *kháng Nhật, cứu nước* mạnh mẽ.

Cao trào chống Nhật, cứu nước cuộn cuộn dâng lên suốt từ Bắc đến Nam. Tình thế cách mạng trực tiếp đã xuất hiện. Toàn thể dân tộc ta đội ngũ đã sẵn sàng, gấp rút chuẩn bị những công việc cuối cùng, tạo thời cơ thuận lợi để đón lấy thời cơ khách quan có lợi vùng dậy tổng khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân trên cả nước.

Mùa Thu năm 1945, Hồng quân Liên Xô và quân Đồng minh đánh bại quân Nhật ở Châu Á-Thái Bình Dương. Buộc phát xít Nhật đầu hàng không điều kiện. Ngày 14-8-1945, Chiến tranh thế giới II kết thúc.

Cách mạng Việt Nam tiến nhanh đến bước quyết định. Quân Nhật mất tinh thần, rệu rã; chính quyền thân Nhật hoang mang dao động đến cực điểm, đang tan rã dần. Phong trào chống phát xít Nhật và chính quyền bù nhìn tay sai phát triển rất mạnh, không khí khởi nghĩa sôi sục trong cả nước. Lãnh tụ Hồ Chí Minh khẳng định quyết tâm của cách mạng: “Lúc này thời cơ đã tới, dù hy sinh tới đâu, dù phải đốt cháy cả dãy Trường Sơn cũng phải kiên quyết giành cho được độc lập”⁴.

Ngày 13-8-1945, Trung ương Đảng và Tổng bộ Việt Minh đã thành lập Ủy ban khởi nghĩa toàn quốc. Ngay đêm 13-8, Ủy ban Khởi nghĩa toàn quốc phát đi bản Quân lệnh số 1, hạ lệnh cho “quân dân Việt Nam vùng dậy giành lấy quyền độc lập của nước nhà”. Từ ngày 14 đến 15-8-1945, Hội nghị toàn quốc của Đảng họp tại Tân Trào (Tuyên Quang). Hội nghị nhận định điều kiện khởi nghĩa đã chín muồi và chủ trương lãnh đạo toàn dân Tổng khởi nghĩa giành chính quyền trên cả nước, trước khi quân Đồng minh kéo vào Đông Dương.

Ngày 16-8-1945, Đại hội quốc dân do Tổng bộ Việt Minh triệu tập đã khai mạc tại Tân Trào. Đại hội tán thành chủ trương Tổng khởi nghĩa của Đảng; quyết định lấy lá cờ đỏ sao vàng làm Quốc kỳ, lấy bài Tiến quân ca làm Quốc ca và cử ra Ủy ban dân tộc Giải phóng Việt Nam, tức Chính phủ Lâm thời, do lãnh tụ Hồ Chí Minh làm Chủ tịch. Đại hội quốc dân kết thúc, Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi thư kêu gọi đồng bào cả nước: “Giờ quyết định cho vận mệnh dân tộc ta đã đến. Toàn quốc đồng bào hãy đứng dậy đem sức ta mà tự giải phóng cho ta”⁵.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, hơn 20 triệu nhân dân Việt Nam đã nhất tề vùng dậy. Suốt một dải non sông rừng rục khí thế chiến đấu. Từ thành thị đến nông thôn, từ miền xuôi đến miền núi, lực lượng chính trị hùng hậu của nhân

dân được sự hỗ trợ của lực lượng vũ trang người người, lớp lớp xông lên với thế áp đảo địch, giành quyền làm chủ đất nước.

Tổng khởi nghĩa Tháng Tám đã diễn ra nhanh gọn, ít đổ máu và giành thắng lợi vẻ vang: Xóa bỏ toàn bộ hệ thống cai trị của đế quốc, phong kiến, giành chính quyền về tay nhân dân trên cả nước. Ngày 2-9-1945, trước hàng chục vạn đồng bào dự Lễ Độc lập tại Quảng trường Ba Đình (Thủ đô Hà Nội), Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ Lâm thời đọc bản *Tuyên ngôn Độc lập*, trình trọng tuyên bố với quốc dân và thế giới Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời.

Cách mạng Tháng Tám và sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là một chiến thắng vĩ đại, vẻ vang, chói lọi nhất của dân tộc kể từ khi Đảng ra đời, lãnh đạo sự nghiệp cách mạng Việt Nam.

3. Bảo vệ, xây dựng chính quyền dân chủ nhân dân và tiến hành kháng chiến, kiến quốc, bảo vệ hòa bình, độc lập dân tộc.

Cách mạng Tháng Tám thành công, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời. Đó là điều kiện thuận lợi căn bản nhất để bảo vệ thành quả cách mạng, xây dựng xã hội mới. Tuy nhiên, vào thời điểm sau khi đất nước ta giành được độc lập đến cuối năm 1946, đất nước ta đứng trước những khó khăn chồng chất, những thử thách nghiêm trọng, cùng lúc phải phải chống “giặc đói, giặc dốt”, “giặc ngoại xâm”. Trong tình thế so sánh lực lượng bất lợi, Đảng và Chính phủ đã thực hiện sách lược mềm dẻo, linh hoạt, thêm bạn bớt thù trên nguyên tắc giữ vững nền độc lập dân tộc để tranh thủ thời gian hòa bình, xây dựng và chuẩn bị kháng chiến lâu dài.

Ngày 19-10-1946, Hội nghị quân sự toàn quốc của Đảng nhận định: “Nhất định không

sớm thì muộn, Pháp sẽ đánh mình và mình cũng nhất định phải đánh Pháp”⁶. Ngày 23-11-1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh có thư “Gửi đồng bào Việt Nam, người Pháp và người thế giới”. Trong thư, Người viết: “Chinh phủ và nhân dân Việt Nam kiên quyết cộng tác thật thà với người Pháp. Song khi phải giữ chủ quyền của Tổ quốc, cần hy sinh thì cũng kiên quyết hy sinh”⁷.

Khả năng hòa hoãn đã hết, trong hai ngày 18, 19-12-1946, Ban Thường vụ Trung ương Đảng họp dưới sự chủ trì của Chủ tịch Hồ Chí Minh quyết định phát động toàn quốc kháng chiến chống thực dân Pháp. Ngày 19-12, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra *Lời kêu gọi Toàn quốc kháng chiến*: “Chúng ta muốn hòa bình, chúng ta phải nhân nhượng. Nhưng chúng ta càng nhân nhượng, thực dân Pháp càng lấn tới, vì chúng quyết tâm cướp nước ta lần nữa! Không! Chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ”⁸.

20 giờ ngày 19-12-1946, pháo đài Láng khai hỏa mở màn cuộc chiến đấu của quân dân Hà Nội, mở đầu cuộc kháng chiến toàn quốc của quân dân cả nước chống thực dân Pháp xâm lược. Lúc này, ở Nam Bộ, đồng bào chiến sĩ miền Nam đã và đang kiên cường chiến đấu chống quân Pháp xâm lược, mở rộng chiếm đóng suốt một năm ròng.

Chủ động phát động cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp là quyết định sáng suốt, chủ động, kịp thời của Đảng. Nhờ quyết định chiến lược đó, ta giành thế chủ động, phát huy sức mạnh tiến công của quân và dân trên khắp các chiến trường cả nước, gây cho địch nhiều thiệt hại và phá tan kế hoạch đánh úp cơ quan đầu não và quân chủ lực ta ở Hà Nội, đánh thắng chiến lược đánh nhanh thắng nhanh của địch. Đường lối kháng chiến đúng đắn và đánh thắng trận mở màn đã tạo đà cho cuộc kháng chiến chống thực

cách mạng Đông Dương. Nhiệm vụ trước hết của cách mạng Việt Nam lúc này là phải giành cho được độc lập dân tộc và tự do, hạnh phúc cho đồng bào. Hội nghị khẳng định chuẩn bị khởi nghĩa là nhiệm vụ trung tâm của toàn Đảng, toàn dân và xác định hình thái khởi nghĩa ở nước ta là từ khởi nghĩa từng phần tiến lên tổng khởi nghĩa. Hội nghị quyết định thành lập *Mặt trận Việt Nam độc lập Đồng minh* (gọi tắt là Việt Minh) thay cho Mặt trận thống nhất dân tộc phản đế Đông Dương. Ngày 6-6-1941, Nguyễn Ái Quốc viết thư “Kính cáo đồng bào”, kêu gọi toàn dân: “Trong lúc này *quyền lợi dân tộc giải phóng cao hơn hết thảy*. Chúng ta phải đoàn kết lại đánh đổ bọn đế quốc và bọn Việt gian đang cứu giống nòi ra khỏi nước sôi lửa nóng”³.

Chiến tranh thế giới diễn biến nhanh chóng, ngày 8-5-1945, phát xít Đức đầu hàng Đồng minh. Tình hình Đông Dương cũng có biến động. Ngày 9-3-1945, Nhật đảo chính Pháp. Tối cùng ngày diễn ra Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương mở rộng. Ngày 12-3-1945, Ban Thường vụ Trung ương Đảng ban hành Chỉ thị “*Nhật-Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta*”. Đảng chủ trương phát động cao trào *kháng Nhật, cứu nước* mạnh mẽ.

Cao trào chống Nhật, cứu nước cuộn cuộn dâng lên suốt từ Bắc đến Nam. Tình thế cách mạng trực tiếp đã xuất hiện. Toàn thể dân tộc ta đội ngũ đã sẵn sàng, gấp rút chuẩn bị những công việc cuối cùng, tạo thời cơ thuận lợi để đón lấy thời cơ khách quan có lợi vùng dậy tổng khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân trong cả nước.

Mùa Thu năm 1945, Hồng quân Liên Xô và quân Đồng minh đánh bại quân Nhật ở Châu Á-Thái Bình Dương. Buộc phát xít Nhật đầu hàng không điều kiện. Ngày 14-8-1945, Chiến tranh thế giới II kết thúc.

Cách mạng Việt Nam tiến nhanh đến bước quyết định. Quân Nhật mất tinh thần, rệu rã; chính quyền thân Nhật hoang mang dao động đến cực điểm, đang tan rã dần. Phong trào chống phát xít Nhật và chính quyền bù nhìn tay sai phát triển rất mạnh, không khí khởi nghĩa sôi sục trong cả nước. Lãnh tụ Hồ Chí Minh khẳng định quyết tâm của cách mạng: “Lúc này thời cơ đã tới, dù hy sinh tới đâu, dù phải đốt cháy cả dãy Trường Sơn cũng phải kiên quyết giành cho được độc lập”⁴.

Ngày 13-8-1945, Trung ương Đảng và Tổng bộ Việt Minh đã thành lập Ủy ban khởi nghĩa toàn quốc. Ngay đêm 13-8, Ủy ban Khởi nghĩa toàn quốc phát đi bản Quân lệnh số 1, hạ lệnh cho “quân dân Việt Nam vùng dậy giành lấy quyền độc lập của nước nhà”. Từ ngày 14 đến 15-8-1945, Hội nghị toàn quốc của Đảng họp tại Tân Trào (Tuyên Quang). Hội nghị nhận định điều kiện khởi nghĩa đã chín muồi và chủ trương lãnh đạo toàn dân Tổng khởi nghĩa giành chính quyền trên cả nước, trước khi quân Đồng minh kéo vào Đông Dương.

Ngày 16-8-1945, Đại hội quốc dân do Tổng bộ Việt Minh triệu tập đã khai mạc tại Tân Trào. Đại hội tán thành chủ trương Tổng khởi nghĩa của Đảng; quyết định lấy lá cờ đỏ sao vàng làm Quốc kỳ, lấy bài Tiến quân ca làm Quốc ca và cử ra Ủy ban dân tộc Giải phóng Việt Nam, tức Chính phủ Lâm thời, do lãnh tụ Hồ Chí Minh làm Chủ tịch. Đại hội quốc dân kết thúc, Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi thư kêu gọi đồng bào cả nước: “Giờ quyết định cho vận mệnh dân tộc ta đã đến. Toàn quốc đồng bào hãy đứng dậy đem sức ta mà tự giải phóng cho ta”⁵.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, hơn 20 triệu nhân dân Việt Nam đã nhất tề vùng dậy. Suốt một dải non sông rừng rục khi thể chiến đấu. Từ thành thị đến nông thôn, từ miền xuôi đến miền núi, lực lượng chính trị hùng hậu của nhân

dân được sự hỗ trợ của lực lượng vũ trang người người, lớp lớp xông lên với thế áp đảo địch, giành quyền làm chủ đất nước.

Tổng khởi nghĩa Tháng Tám đã diễn ra nhanh gọn, ít đổ máu và giành thắng lợi vẻ vang: Xóa bỏ toàn bộ hệ thống cai trị của đế quốc, phong kiến, giành chính quyền về tay nhân dân trên cả nước. Ngày 2-9-1945, trước hàng chục vạn đồng bào dự Lễ Độc lập tại Quảng trường Ba Đình (Thủ đô Hà Nội), Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ Lâm thời đọc bản *Tuyên ngôn Độc lập*, trình trọng tuyên bố với quốc dân và thế giới Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời.

Cách mạng Tháng Tám và sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là một chiến thắng vĩ đại, vẻ vang, chói lọi nhất của dân tộc kể từ khi Đảng ra đời, lãnh đạo sự nghiệp cách mạng Việt Nam.

3. Bảo vệ, xây dựng chính quyền dân chủ nhân dân và tiến hành kháng chiến, kiến quốc, bảo vệ hòa bình, độc lập dân tộc.

Cách mạng Tháng Tám thành công, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời. Đó là điều kiện thuận lợi căn bản nhất để bảo vệ thành quả cách mạng, xây dựng xã hội mới. Tuy nhiên, vào thời điểm sau khi đất nước ta giành được độc lập đến cuối năm 1946, đất nước ta đứng trước những khó khăn chồng chất, những thử thách nghiêm trọng, cùng lúc phải phải chống “giặc đói, giặc dốt”, “giặc ngoại xâm”. Trong tình thế so sánh lực lượng bất lợi, Đảng và Chính phủ đã thực hiện sách lược mềm dẻo, linh hoạt, thêm bạn bớt thù trên nguyên tắc giữ vững nền độc lập dân tộc để tranh thủ thời gian hòa bình, xây dựng và chuẩn bị kháng chiến lâu dài.

Ngày 19-10-1946, Hội nghị quân sự toàn quốc của Đảng nhận định: “Nhất định không

sớm thì muộn, Pháp sẽ đánh mình và mình cũng nhất định phải đánh Pháp”⁶. Ngày 23-11-1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh có thư “Gửi đồng bào Việt Nam, người Pháp và người thế giới”. Trong thư, Người viết: “Chính phủ và nhân dân Việt Nam kiên quyết cộng tác thật thà với người Pháp. Song khi phải giữ chủ quyền của Tổ quốc, cần hy sinh thì cũng kiên quyết hy sinh”⁷.

Khả năng hòa hoãn đã hết, trong hai ngày 18, 19-12-1946, Ban Thường vụ Trung ương Đảng họp dưới sự chủ trì của Chủ tịch Hồ Chí Minh quyết định phát động toàn quốc kháng chiến chống thực dân Pháp. Ngày 19-12, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra *Lời kêu gọi Toàn quốc kháng chiến*: “Chúng ta muốn hòa bình, chúng ta phải nhân nhượng. Nhưng chúng ta càng nhân nhượng, thực dân Pháp càng lấn tới, vì chúng quyết tâm cướp nước ta lần nữa! Không! Chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ”⁸.

20 giờ ngày 19-12-1946, pháo đài Láng khai hỏa mở màn cuộc chiến đấu của quân dân Hà Nội, mở đầu cuộc kháng chiến toàn quốc của quân dân cả nước chống thực dân Pháp xâm lược. Lúc này, ở Nam Bộ, đồng bào chiến sĩ miền Nam đã và đang kiên cường chiến đấu chống quân Pháp xâm lược, mở rộng chiếm đóng suốt một năm ròng.

Chủ động phát động cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp là quyết định sáng suốt, chủ động, kịp thời của Đảng. Nhờ quyết định chiến lược đó, ta giành thế chủ động, phát huy sức mạnh tiến công của quân và dân trên khắp các chiến trường cả nước, gây cho địch nhiều thiệt hại và phá tan kế hoạch đánh úp cơ quan đầu não và quân chủ lực ta ở Hà Nội, đánh thắng chiến lược đánh nhanh thắng nhanh của địch. Đường lối kháng chiến đúng đắn và đánh thắng trận mở màn đã tạo đà cho cuộc kháng chiến chống thực

dân Pháp giành thắng lợi cuối cùng bằng chiến dịch Điện Biên Phủ lịch sử.

Sau Hiệp định Giơnevơ, chiến tranh Đông Dương kết thúc, thực dân Pháp phải thừa nhận độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của ba nước Đông Dương và phải rút quân về nước. Theo điều khoản của Hiệp định Giơnevơ, ở Việt Nam có hai vùng tập kết lực lượng quân sự, vĩ tuyến 17 là giới tuyến quân sự tạm thời. Sau hai năm, đến tháng 7-1956 sẽ tổ chức tổng tuyển cử tự do để thống nhất đất nước. Đảng chủ trương đấu tranh thi hành nghiêm chỉnh Hiệp định Giơnevơ. Miền Bắc được giải phóng, bắt tay khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh và từng bước xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Ở miền Nam, đế quốc Mỹ nhảy vào hắt cẳng Pháp, dựng lên chính quyền và quân đội tay sai. Mỹ và chính quyền tay sai tập trung lực lượng đánh phá ác liệt tổ chức cách mạng và những người kháng chiến. Cách mạng miền Nam bị tổn thất to lớn, hầu hết tổ chức đảng, tổ chức cách mạng bị tan vỡ, hàng chục vạn cán bộ, đảng viên và quần chúng cách mạng bị tù đầy, giết hại. Vận mệnh quốc gia dân tộc đứng trước thử thách nghiêm trọng. Yêu cầu lịch sử đặt ra cho Đảng phải tìm ra con đường đúng đắn cho cách mạng tiếp tục đi lên.

Năm 1959, HNTU 15 đã xác định đường lối và phương pháp cách mạng miền Nam. Hội nghị khẳng định: “con đường phát triển cơ bản của cách mạng Việt Nam ở miền Nam là khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân. Theo tình hình cụ thể và yêu cầu hiện nay của cách mạng thì con đường đó là lấy sức mạnh của quần chúng, dựa vào lực lượng chính trị của quần chúng là chủ yếu, kết hợp với lực lượng vũ trang để đánh đổ quyền thống trị của đế quốc và phong kiến, dựng lên chính quyền cách mạng của nhân dân⁹⁹”. Hội nghị dự báo: “đế quốc Mỹ

là đế quốc hiếu chiến nhất, cho nên trong những điều kiện nào đó, cuộc khởi nghĩa của nhân dân miền Nam cũng có khả năng chuyển thành cuộc đấu tranh vũ trang trường kỳ. Trong tình hình đó, cuộc đấu tranh sẽ chuyển sang một cục diện mới: đó là chiến tranh trường kỳ giữa ta và địch, và thắng lợi cuối cùng nhất định về ta”¹⁰⁰.

NQTU 15 có ý nghĩa lịch sử to lớn, mở đường cho phong trào “Đồng khởi” toàn miền Nam, tạo ra bước nhảy vọt của cách mạng miền Nam từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công, đẩy chính quyền Sài Gòn vào thế bị động đối phó, nguy cơ sụp đổ hoàn toàn. Dự báo và chủ trương của HNTU 15 là rất đúng với diễn biến của thực tiễn cách mạng Việt Nam ở miền Nam. Khi đế quốc Mỹ thực hiện chiến lược “chiến tranh đặc biệt”, “chiến tranh cục bộ”, “Việt Nam hóa chiến tranh”, thời điểm cao nhất lên tới hơn nửa triệu quân Mỹ và đồng minh với các loại vũ khí hiện đại bậc nhất vào miền Nam thì Đảng Cộng sản Việt Nam với việc ban hành các nghị quyết quan trọng: NQTU 11 (đặc biệt) tháng 3-1965; NQTU 12 (tháng 12-1965) khóa III, vẫn kiên định và phát triển đường lối cách mạng miền Nam được đề ra từ NQTU 15. Nghị quyết Bộ Chính trị cuối năm 1974, đầu năm 1975, chủ trương Tổng tiến công và nổi dậy, giành thắng lợi cuối cùng, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước là sự khẳng định đúng đắn con đường cách mạng miền Nam với thế tiến công cách mạng, khẳng định sức mạnh đoàn kết thống nhất và vai trò lãnh đạo duy nhất của Đảng trong sự nghiệp cách mạng và kháng chiến của toàn dân tộc Việt Nam.

4. Đại hội VI của Đảng mở ra thời kỳ đổi mới toàn diện đất nước

Sau Đại thắng mùa Xuân 1975, cả nước bước vào thời kỳ cách mạng mới, xây dựng và bảo vệ

Tổ quốc XHCN, đánh bại các cuộc chiến tranh xâm lược của địch ở biên giới phía Bắc và Tây Nam của Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế giúp đỡ cách mạng và nhân dân Campuchia thoát khỏi nạn diệt chủng và xây dựng đất nước sau chiến tranh.

Trên bình diện quốc tế, vào nửa cuối thập niên 80 thế kỷ XX, các nước XHCN Đông Âu và Liên Xô lâm vào khủng hoảng ngày càng trầm trọng; các nước này thực hiện cải tổ, cải cách sai lầm, dẫn tới sự sụp đổ của mô hình XHCN, đã tác động không nhỏ đến tư tưởng của cán bộ, đảng viên và nhân dân ta. Ở trong nước, do sai lầm và khuyết điểm trong công tác lãnh đạo của Đảng đã làm cho cuộc khủng hoảng kinh tế-xã hội từ cuối thập kỷ 70, thế kỷ XXI ngày diễn ra ngày một gay gắt. Để tập trung tháo gỡ những khó khăn nhất định phải đổi mới. Trước tình hình đó, Đại hội VI (12-1986) của Đảng đã đề ra *đường lối đổi mới toàn diện*, trong đó nêu rõ những định hướng lớn về nhiệm vụ, mục tiêu và những giải pháp cơ bản để thực hiện mục tiêu của những năm còn lại của chặng đường đầu tiên.

Đường lối đổi mới toàn diện đất nước do Đại hội VI của Đảng đề ra đã đáp ứng đòi hỏi bức xúc của thực tiễn, được toàn Đảng, toàn dân hồ hởi đón nhận và quyết tâm thực hiện, mở ra bước ngoặt quan trọng của cách mạng Việt Nam. Sau Đại hội VI của Đảng, tình hình thế giới diễn biến vô cùng phức tạp và khó lường, ảnh hưởng lớn đến tình hình Việt Nam nhưng Đảng vẫn kiên định với đường lối đổi mới đã đề ra. Trải qua các nhiệm kỳ từ Đại hội VII đến Đại hội XII của Đảng đã bổ sung, phát triển đường lối và tổ chức chỉ đạo thực hiện linh hoạt, sáng tạo, lãnh đạo toàn dân giành được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử, đúng như Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Nguyễn Phú Trọng đã khẳng định: “Thành tựu của công cuộc đổi mới đã tạo ra những điều kiện, tiền đề thuận lợi để đất

nước ta vững bước trên con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, đã minh chứng cho năng lực lãnh đạo, cầm quyền và bản lĩnh chính trị vững vàng của Đảng ta, sức mạnh vĩ đại và tài năng sáng tạo của nhân dân ta”¹¹.

1. *Hồ Chí Minh Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2011, T. 12, tr. 406

2. Tuy nhiên, chủ trương hoãn khởi nghĩa Nam Kỳ của Hội nghị Trung ương tháng 11-1940 đã không đến được Ban Chỉ đạo khởi nghĩa nên cuộc khởi nghĩa này vẫn diễn ra theo kế hoạch và bị thực dân Pháp đàn áp đẫm máu, chúng bắt được hầu hết các đồng chí lãnh đạo chủ chốt cuộc khởi nghĩa này

3, 5. *Sđd*, T.3, tr. 230, 595

4. Xem Võ Nguyên Giáp: *Tổng Tập hồi ký*; Nxb Quân đội nhân dân, H, 2006, tr.130

6. Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2000, T.8, tr.133

7, 8. *Hồ Chí Minh Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2011, T. 4, tr. 511, 534

9, 10. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*. Nxb CTQG, H, 2002, T.20, tr. 82, 85

11. <https://vov.vn/chinh-tri/toan-van-phat-bieu-cua-tong-bi-thu-chu-tich-nuoc-tai-le-quoc-gia-50-nam-di-chuc-bac-ho-950377.vov>.